Lịch sử Xá lợi Phật Gotama (Bhikkhu Nāga - TK Bửu Chơn soạn)

Lịch sử Phật giáo

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM ——-

LỊCH SỬ XÁ LỢI CỦA ĐỨC PHẬT GOTAMA

Soạn giả: BHIKKHU NAGA THERA (TỲ KHƯU BỬU CHƠN)

LỊCH SỬ XÁ LỢI CỦA ĐỨC PHẬT GOTAMA Ngọc Xá Lợi là một Thánh tích vô giá của Phật Tổ Gotama, do phái đoàn Phật giáo Tích Lan đưa qua Nhựt Bổn để hiến cho hàng Phật tử xứ ấy, trong dịp Đại Hội nghị Phật giáo hoàn cầu kỳ nhì tại Đông kinh (Tokyo), đã được cung nghinh lên kinh đô xứ Việt Nam, một cách vô cùng trọng thể và được trưng tượng trọn cả một ngày và một đêm cho công chúng chiêm bái cúng dường. Chúng ta nên ghi nhớ rằng, trong ngàn năm muôn kiếp, ngày cung nghinh xá lợi vừa rồi là ngày duy nhất trong đời tu Phật của chúng ta, ngày ấy là ngày 25 tháng 7 năm Nhâm Thìn, nhằm ngày 13 tháng 9 năm 1952. Kể lại, từ khi Đức Thế Tôn nhập diệt đến ngày chúng ta gặp duyên may yết kiến Xá Lợi, thời gian đã trôi chảy được 2.496 năm, 4 tháng và mười ngày. Thấy rằng, mặc dầu sanh vào thời kỳ vô cùng xa cách với niên đại nói trên, chúng ta vẫn còn duyên lành với Phật Tổ Như Lai; vì chúng ta không mong mà tình cờ lại được đứng trước hòn Ngọc Xá Lợi, để đem tất cả lòng nhiệt thành sùng tín, hoài niệm tưởng nhớ đến ân đức của một Đấng Trọn Lành, đã tận tụy hy sinh từ vô lượng kiếp, quyết chí tìm phương cứu vớt sanh linh ra khỏi vòng đau khổ. Trong kiếp chót, khi đoạt được mục đích cao cả rồi, vị Chánh Đẳng Chánh Giác, ngày đi đêm nghỉ, châu du từ thành nầy sang xứ nọ, trọn 45 năm trường, hướng dẫn tín đồ trên đường giác ngộ. Vì quá thương xót chúng sanh đương bị chơi vơi trong biển khổ, mà Ngài hy sinh, mệt nghỉ, khỏe đi, đi hoài, cho đến mòn hơi, kiệt lực; giữa đường thọ bịnh nan y. Đấng Cứu Thế, đã vì nhân loại, với cái tuổi thọ 80, với bao nhiêu sự cam go hiểm trở trên những con đường gồ ghề băng xuyên giữa rừng núi, dưới những đám mưa phùn tuyết đổ; mà Ngài vẫn vui lòng nhẫn nại làm tròn phận sự cho đến giờ phút kiệt quệ, phải chịu phép vĩnh biệt thế gian. Trên đời này còn ai hy sinh trong sự mưu cầu hạnh phúc cho nhơn loại hơn Phật Tổ gotama? Cao cả thay! Cái đời xán lạn của Đấng Hiền Triết duy nhứt của thế gian. Cao quý thay! Cái ân đức từ bi rộng lớn của bậc Siêu Nhân hi hữu của cõi Á châu! Chúng tôi, là kẻ đã thọ ân sâu dày của Ngài, nhờ giáo Pháp của Ngài để lại, biết cải ác tùng thiện, theo dõi con đường vạch sẵn của Ngài, xin đem tất cả tấm lòng trong sạch, cúi đầu tôn kính Ngài. Chẳng biết lời nào để tán dương ca tụng ân đức của Ngài, chúng tôi, nhân dịp nầy xin mượn lời của Đức Trời Đế Thích để chiêm bái Ngài:

“Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa”. Thưa quí ông quí bà.

Phật Gotama, là một Đức Phật đã ra đời tại xứ Ấn Độ, dấu tích đã còn; bằng chứng là Ngọc Xá Lợi mà chúng ta đã cung nghinh trọng thể năm ngày trước đây. Chúng ta chớ nên lầm lộn, mà cho Ngài là một nhân vật thần thoại, khi thì biến hóa ra ông Phật này,

khi thì thị hiện ra ông Phật khác. Phật Gotama, là một người như chúng ta, và nhờ tu hành nhiều kiếp mà Ngài hiến hóa đến mức cùng tột trong sự tiến hóa của loài người, gọi là Bậc Toàn Giác, đến trình độ ấy, Ngài không còn bị luật sanh tử luân hồi chi phối nữa, nên gọi là Phật. Hết sanh tử luân hồi, tất là Ngài không còn biến hóa, thị hiện trong thế gian nữa, nên gọi tịch diệt. Đó là sự thật là chơn lý. Nếu còn vịnh theo các pháp thần thông của Ngài, mà tin rằng Ngài còn thị hiện trong thế gian là trái với Chơn lý. Bởi một khi giải thoát khỏi vòng sanh tử rồi, mà còn tái sanh trở lại, là một việc không thể có được. Chúng ta chớ tưởng lầm rằng Phật Gotama, vì lòng từ bi, mà phải thị hiện giữa tín đồ cứu vớt họ. Hẳn thật, Ngài đã có lòng từ bi không bờ bến, từ vô lượng kiếp, trong khi Ngài còn luân chuyển như chúng ra, trong cảnh tương đối. Khi Ngài tiến đến chỗ tuyệt đối rồi, thì dầu ta có đem thuyết nào ra trưng bày nói Ngài như thế này thế nọ, đã không lợi cho chúng ta, mà trái lại, còn gieo mối hoài nghi trong tâm trí. Khi tịch diệt rồi, Phật chẳng gia hộ mà cũng không còn độ ai nữa. Giáo Pháp của Ngài để lại cho chúng ta hành theo, ấy là phương pháp độ chúng ta một cách gián tiếp. Lúc Phật Gotama còn tại thế, Ngài hướng dẫn chúng sanh đi theo con đường của Ngài, ai nghe lời Ngài chỉ dạy, người ấy tự tu tự độ. Thật ra, Ngài chẳng bao giờ nắm tay ai mà đưa đến chỗ yên vui tuyệt đối. Vì sự biến chuyển trong lịch sử Phật giáo nên có nhiều thuyết đưa ra, làm cho chúng ta hoang mang; kẻ tin như thế này người tin theo thế khác. Hơn nữa, chúng ta không có dịp khảo cứu kinh điển cổ truyền nên chúng ta tin tưởng một cách mơ hồ. Chúng ta dốt cho đến đỗi không biết rõ rệt sự tích của Xá Lợi ra thế nào. Nếu không nhờ các Nhà Sư tham cứu kinh điển và chỉ dạy lại cho chúng ta, thì chúng ta nào có biết giá trị của Xá Lợi ra sao? Tiện đây, tôi xin lược thuật một đoạn trong kinh "Niết-bàn" để hiến cho quí ông quí bà đôi chút tài liệu về sử tích Xá Lợi. Ngày kia Đức Thế Tôn cùng chư Thinh Văn đến xứ Pava, vì trời tối nên tạm ngụ trong vườn xoài của con người thợ bạc tên là Cunda.

Khi hay tin có Phật ngự trong vườn mình, chàng Cunda đến yết kiến Phật. Nhân dịp ấy, Đức Thế Tôn giảng giải cho chàng hiểu thấu nghiệp quả và khuyên dạy lánh dữ làm lành. Sáng ngày, Cunda thỉnh Phật và chư Tăng đến nhà thọ thực. Bữa cơm nầy là bữa cơm cuối cùng. Thân già, đi bộ ròng rã xứ nầy qua xứ nọ, tránh sao cho khỏi lao thân, mệt xác, nên khi thọ thực xong Ngài thấy trong mình phát sanh bịnh kiết lỵ. Ngài gắng gượng lên đường qua xứ Kusinārā. Giữa đường bị bịnh càng thêm nặng, Ngài tạm nghỉ dưới cội cây, biểu ông Ānanda xuống khe múc nước cho Ngài dùng đỡ khát. Ông Ānanda đi rồi trở lại bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, dưới suối nước rất ít, lại thêm vừa có 500 cỗ xe thương mãi đi qua làm cho nước nổi cặn bùn không thể uống được".
Như Lai khát nhiều (không thể chờ đợi) Ānanda cứ đi múc đi cho Như Lai dùng. Tội nghiệp thay cho một vị Chánh Đẳng Chánh Giác! Bịnh càng nặng thêm, lại phải cam chịu uống lấy nước khe cho đỡ cơn thắt ngặt. Đỡ khát rồi, Đức Thế Tôn gắng gượng lên đường, đến chiều tối tới xứ Kusinārā. Thầy trò vào tạm nghỉ trong rừng Sālā. Đức Thế Tôn kêu ông Ānanda nói rằng: Này Ānanda! Như Lai đã mệt nhọc lắm rồi, vậy người mau trải y giữa khoảng hai cây đại thọ nầy cho Như Lai an nghỉ và nội đêm nay Như Lai sẽ nhập diệt tại đây. Vậy ngươi kíp vào hoàng thành tâu cho Vua Malla hay tự sự, để sau Vua khỏi phiền trách và hối tiếc không được yết kiến Như Lai trong giờ cuối

cùng. Ông Ānanda vội vã vào đền, gặp lúc Vua và hoàng tộc cùng bá quan đương hội yến đông vầy. Ông Ānanda xin vào chầu Vua Malla và tâu rằng: “Bần Tăng vâng lịnh Đức Thế Tôn đến báo tin cho Bệ hạ rõ rằng Ngài vừa ngự đến rừng Sālā, và định nhập Niết-bàn tại đó, nội đêm nay vào canh chót.” Khi nghe được tin ấy, Vua và triều thần đồng cảm xúc: Phật Gotama là dòng vua, sang cả, mà vì thương xót chúng ta, băng rừng lướt bụi chẳng nài lao khổ, cam chịu bỏ xác giữa rừng, thật đáng cho chúng ta lễ bái cúng dường. Cả Vua và triều thần đồng rơi lụy và đồng nhau đến rừng Sālā xin vào yết kiến Đức Thế Tôn, để tỏ lời hối tiếc. Đức Phật dùng lời kim ngôn mỹ từ khuyên nhủ Vua Malla và bá quan trong đường tu tập, lấy đạo đức cùng lòng từ bi mà dìu dắt dân chúng đến nơi an vui, hạnh phúc. Cả Vua chúa và triều thần lắng lặng nghe Pháp đến cuối canh đầu mới lui gót ra về với một tấm lòng cảm mến và ủ ê.

Tới phiên vị đạo sĩ tên Subhadda đến yêu cầu ra mắt Phật-đà. Vì thấy Đức Thế Tôn không được khỏe, ông Ānanda không cho đạo sĩ Subhadda vào. Nghe lời yêu cầu bên ngoài, Đức Phật hay được, bảo ông Ānanda cho đạo sĩ vào. Ông Subhadda vào đảnh lễ và vấn an Đức Phật rồi xin hỏi đạo. Phật vui lòng nhận lời, mặc dầu là Ngài đã mệt gần đuối sức. “Bạch Đức Thế Tôn: ngoài giáo Pháp của Đức Thế Tôn, còn có Lục Sư ngoại đạo rất đông tín đồ và họ tự cho họ là bậc cao thượng; chẳng hay các Lục Sư ấy cao thượng đến bậc nào?” “Subhadda này! Điều ấy chẳng nên tìm hiểu làm chi. Nếu ngươi muốn biết đạo của Như Lai ra thế nào, Như Lai sẵn lòng giải thích cho ngươi nghe”. Subhadda vâng lời cung kính lắng nghe Phật thuyết: “Subhadda này! Đạo là con đường có tám chi, rất quí báu, đưa người tới nơi tận diệt phiền não. Trong tôn giáo nào không có con đường tám chi ấy, thì Sa-môn thứ nhứt, thứ nhì, thứ ba, thứ tư (đây chỉ về hàng tứ thánh) chẳng có trong tôn giáo ấy. Subhadda này! Nếu có người hành đúng theo giáo pháp của Như Lai, thì trong cõi đời nầy, vẫn còn có bậc A-la-hán. “Subhadda này! Kinh luật của Như Lai là phương pháp đem chúng sanh ra khỏi khổ. Vừa 29 tuổi, Như Lai đã xuất gia để tìm thiện pháp; Như Lai đã xuất gia được 51 năm rồi. Ngoài đạo của Như Lai, chẳng có vị sa-môn nào siêu xuất thế gian.” Đức Thế Tôn chỉ dạy đạo sĩ Subhadda rất nhiều, nhưng ở đây xin tóm tắt bấy nhiêu. Ông Subhadda nghe được Pháp, xin xuất gia đầu Phật liền khi ấy, và nhờ Đức Phật khai sáng cho, lại thêm duyên lành sẵn có, nên hành thiền trong giây lát đắc đạo quả A-la-hán. Đây là đệ tử chót của Phật, có tên là Pacchimasāva, nghĩa là người gặp Đức Phật sau chót hết. Đức Thế Tôn kêu các thầy tỳ khưu lại gần hỏi rằng: “Các đệ tử có điều nào còn nghi ngờ trong Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, trong đạo quả, hoặc trong sự hành đạo, các thầy cứ hỏi đi!”. Đức Thế Tôn hỏi đến ba lượt, mà các thầy vẫn làm thinh, tỏ ý không nghi ngờ điều chi, bởi trong 500 vị Thinh văn theo hầu Phật, những vị có đặc ân nhỏ hơn hết là bực đã đắc đạo quả Tu-đà-huờn, các Ngài toàn là Thánh Tăng cả thảy. Hỏi rồi Đức Thế Tôn dạy lời di huấn tối hậu: “Này chư vị tỳ khưu! Như Lai xin nhắc các thầy nên ghi nhớ rằng: “Các pháp hành có sanh, phải có diệt”. Các thầy nên tinh tấn tự tìm sự lợi ích cho mình, nhứt là cố gắng thực hành các pháp cao thượng chẳng nên để duôi”.

Đức Thế Tôn gom cả lời giáo huấn trong 45 năm vào một câu là “không nên để duôi” để nhắc nhở các môn đệ đừng giải đãi trên đường tự tu tự độ. Từ đó trở đi Đức Thế Tôn không còn nói câu gì nữa. Lấy Niết-bàn làm đề mục, Ngài nhập định trong các sắc

thiền, hữu sắc, vô sắc và diệt thọ tưởng định, Lúc ấy có ông Anuruddha là bậc làu thông thiền định, làm người báo tin cho chư Thinh văn, ngài cũng nhập định theo dõi Đức Thế Tôn, rồi xả thiền cho các đạo hữu biết Tôn Sư mình được nhập định trong thiền nào và sang qua thiền nào. Ông Ānanda chực sẵn kế bên hỏi hoài: “Bạch sư huynh, vậy chớ Đức Thế Tôn nhập diệt chưa?” Đại đức Anuraddha vào thiền, ra thiền từ chập để trả lời cho ông Ānanda. Trời vừa rạng đông, quả địa cầu rung động, báo điềm Phật Tổ Gotama đã nhập vô lượng thọ Niết-bàn (đêm 15-16 tháng 4 năm Tỵ). Trời Phạm Thiên Sahampati cất tiếng ngâm câu kệ động tâm như vầy: “Đức Thế Tôn là Đấng Trọn Lành, có đặc ân cao dày, tự ngộ đạo quả vô thượng Bồ Đề mà thân Ngài cũng không tránh khỏi quyền chi phối của luật vô thường sanh diệt”. “Hỡi ôi! Định luật thiên nhiên nó như thế ấy, thì tất cả chúng sanh không sót giống nào, lần lượt nối tiếp nhau bỏ xác lại thế gian”. “Ta còn yêu mến chi cái kiếp phù sanh giả tạm này?” Trời Đế Thích tiếp ngâm câu kệ động tâm như vầy: “Ô hô! Các pháp hành thật không bền vững, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh. Chỉ có sự dập tắt pháp hành, thì sanh sắc, ngũ uẩn mới không sanh ra được”. Đại đức Anuruddha và Ānanda thay phiên nhau thuyết về pháp động tâm, làm cho ai ai cũng chán nản các pháp hữu vi, là pháp sanh diệt, chia lìa, đau khổ triền miên. Ai ai cũng nguyện tinh tấn thật hành theo giáo pháp của Đức Thế Tôn di truyền, để mong có ngày ra khỏi vòng cương tỏa của luật vô thường, hầu siêu sanh về cõi an vui tuyệt đối là Niết-bàn. Sáng ngày, Đại đức Anuruddha sai ông Ānanda vào đến báo tin cho Vua Kusinārā hay tin Đức Phật đã nhập Niết-bàn rồi. Đến nơi thấy Vua và triều thần hội nhau bàn tán về ngày cuối cùng của vị Chánh Đẳng Chánh Giác, quên lo tới việc triều chánh. Khi hay tin Phật diệt độ cả Vua chúa quần thần đều chan hòa giọt lệ, mến tiếc và ca tụng ân đức của Đấng Trọn Lành. Đức vua liền hạ chiếu chỉ cho triều thần và các lớp dân chúng trong xứ Kusinārā đem bông hoa, nước thơm và nhạc lễ đến rừng Sālāvana, và dạy nội ngày ấy cất rạp cho rồi để thiết đại lễ cúng dường Phật Tổ.

Công việc tẩm liệm thi hài của Đức Thế Tôn, Vua làm y theo lời chỉ bảo của Đại đức Ānanda: lấy 1000 cây lụa trắng bao bọc Thánh Thể, ướp đủ các thứ nước thơm, để vào hòm vàng. Toàn xứ Kusinārā thiết lễ long trọng cúng dường Đức Phật; cuộc lễ kéo dài đến 6 ngày đêm. Qua ngày thứ 7 là ngày đức Vua định hành lễ hỏa táng. Đúng giờ phát hành, 8 vị lực sĩ của Vua, sắc phục chỉnh tề vào động quan, khiên hòm vào cửa hướng bắc thành Kusinārā và sau khi đi cùng khắp thành phố trở ra cửa hướng đông, thẳng đến tháp Makutabandhana Cetiya là nơi làm lễ trà tỳ. Trong lúc ấy, từ không trung rớt xuống những bông mạn thù cùng khắp thành Kusinārā, mùi thơm bát ngát. Dưới đất âm nhạc rền trời. Khi thỉnh hòm để trên hỏa đài rồi, có 4 vị quốc sư của Vua từ 4 hướng cung kỉnh đem lửa mồi châm vào 4 góc. Lửa không cháy. Vua Malla kinh sợ đến bạch hỏi Đại đức Anuruddha. Ngài trả lời: “Nên huỡn lại một chút, chờ Đại đức Ca Diếp sắp đến trong giây lát”. Một chập sau, Đại đức Maha Ca Diếp dẫn 500 đồ đệ đi ngay lại hỏa đài, khoác áo vai trái, chấp tay lễ bái, rồi đi quanh hòm vàng ba lượt, lại đứng ngay sau hòm cuối đầu lạy dưới chân Đức Thế Tôn, 500 vị tỳ khưu cũng tiếp làm theo y như thế. Khi Đại đức Maha Ca Diếp và chư Tăng làm lễ vừa xong thì lửa bốc cháy rần rộ, chẳng bao lâu xong cuộc lễ trà tỳ. Vua Malla đem nước thơm lại tưới trên hỏa đài và thỉnh Xá

Lợi về hoàng thành, thiết đại lễ cúng dường. Xá Lợi gồm có 7 miếng lớn thuộc về xương trán, xương vaî, răng nhọn và những xương nhỏ bằng hột đậu xanh, hột gạo và hột cải. Cân cả thảy được 16 cân. Một mặt khác, Vua Malla hạ lịnh cho tu bổ hào lũy chung quanh đền, tập dượt binh mã và canh phòng nghiêm ngặt, để ngừa các nước lân bang đến chiếm đoạt Xá Lợi. Hẳn thật như lời tiên đoán của vua Malla, các nước kế cận lần lượt gởi binh mã và sứ thần đến xin Xá Lợi: Cả thảy 7 đại diện: Vua Ajātasatru (A-Xà-Thế) xứ Magadha, Vua Sakya (dòng Thích-già) xứ Sakka, Vua Licchavi xứ Vesali, Vua Thūlīya xứ Allakappa, Vua Koliya xứ Rāmagāma, Vua Malla xứ Pāvā, và vị Bà-la-môn Mahābrahma thủ lãnh xứ Veddhadipaka. Bảy vị sứ thần đến yết kiến vua Malla xứ Kusinārā tỏ rằng: “Chúng tôi hay tin Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn trong xứ của Đại Vương; vì Đức Giáo chủ

Gotama là vị Pháp Vương cao thượng, chúng tôi đây cũng thuộc dòng cao thượng nên đến xin Đại Vương chia cho một phần Xá Lợi để đem về lập đền thờ cúng, chiêm ngưỡng hằng ngày; mong đại vương nhận lời”. Bảy vị xứ thần bề ngoài tỏ ý khiêm tốn nhưng đã cương quyết bố trí binh mã ngoài thành, chờ coi Vua Malla định đoạt thế nào. Vua Malla nhứt định bát lời yêu cầu của các sứ thần; nhưng các vị này cũng không nản chí, cứ nài nỉ xin chia mãi. (Hàng trí thức nên hiểu rằng Đức Phật định nhập diệt tại Kusinārā là xứ nhỏ, không đủ lực lượng tranh đấu, có lẽ để ngừa sự xung đột về sau, do sự phân chia Xá Lợi với các cường quốc lân bang; nên khi Đại đức Ānanda yêu cầu Phật đến một trong các cường quốc để nhập diệt, Ngài không chịu nhận lời). Về phần Vua Malla trước sự nhẫn nại và cương quyết của các Sứ Thần, Ngài suy nghĩ: sức mình yếu kém, không đủ ngăn chống hùng binh. Vả lại Đức Thế Tôn là bậc thông hiểu quá khứ, hiện tại, vị lai, mỗi hành vi của Ngài đều đem lại sự lợi ích lâu dài cho chúng sanh. Ngài nhập Niết Bàn tại xứ ta, ban bố Xá Lợi cho ta, để lại hạnh phúc cho ta, nhưng Xá Lợi này cũng không bền vững lâu dài và không bằng sự phụng hành giáo lý của Phật để lại, hầu tránh khỏi sự giết hại lẫn nhau. Không lẽ các cường quốc này lại muốn khai chiến với ta. Nghĩ như vậy, Vua Malla càng có đức tin mạnh nơi oai lực của Phật; một mặt tỏ ý cương quyết không chia Xá Lợi, một mặt tinh tấn làm lễ cúng dường Xá Lợi để ngăn ngừa tai hại cho xứ Kusinārā. Các sứ thần cũng chẳng chịu nhượng bộ, quyết khai chiến với vua Malla. Khi ấy có vị Bà-la-môn tên Dona, là quốc sư của vua Malla, là bậc trí tuệ và nhiều kinh nghiệm, xin đứng ra làm tài phán phân giải đôi bên. Ông Dona nói rằng: “Thưa các ngài! Chúng ta nên hiểu rằng Đức Bổn Sư chẳng phải là quyến thuộc của chúng ta, chúng ta muốn có Xá Lợi, chẳng qua là chúng ta đã công nhận Đức Thế Tôn là một vị giáo chủ. Chúng ta có lòng ái mộ, muốn phụng thờ và hành theo chánh giáo của Ngài. Nếu vì sự sùng bái Ngài, mà khai chiến với nhau, là một việc không phải lẽ và làm mất đi sự thân thiện lẫn nhau. Vả lại Đức Thế Tôn xưa kia chẳng hề dạy chúng ta gây chiến cùng nhau; trái lại, Ngài hằng khuyên chúng ta nhẫn nại, từ bi, hòa hợp, dứt bỏ điều oan kết và sự giết hại lẫn nhau. Lại nữa, khi Đức Thế Tôn còn tại thế, các tín đồ hằng được gặp, được thấy, được cúng dường Ngài cùng khắp mọi nơi. Giờ đây Đức Thế Tôn nhập diệt rồi, Xá Lợi được phân chia trong các xứ, tiện bề cho tín đồ 4 phương chiêm ngưỡng, lễ bái hằng ngày; thì đại chúng lấy làm hân hạnh biết bao! Hiện giờ các xứ lân bang lớn nhỏ đều có đại diện nơi đây, nếu chúng ta đem Xá Lợi ra

chia nhau mỗi xứ mỗi phần bằng nhau, thì tình thân thiện giữa các quốc vương càng kết chặt, thì ai ai cũng vui mừng tránh khỏi tai hại tàn khốc của chiến

tranh. Các Xá Lợi được đem về thờ cùng nơi khắp chốn, người người phát tâm trong sạch nơi Phật bảo và hành theo kinh luật di truyền, xa lánh các điều ác, tạo thêm nghiệp lành, thì kết quả của sự nhẫn nại và hòa thuận hôm nay là được đoàn kết giữa các lân bang, để cùng nhau tiến bước trên đường giác ngộ, diệt tận những mối thù oán, giết hại lẫn nhau. Như thế ấy, chúng ta mới tỏ là người có đủ tư cách làm đệ tử của Đức Giáo chủ Gotama". Vua Malla và các Sứ Thần công nhận lời phân giải của ông Dona, đồng lòng giao cho ông lãnh tránh nhiệm phân chia Xá Lợi cho các xứ. Ông Dona dùng một cây cân bằng vàng cân tám phần Xá Lợi bằng nhau, giao cho đại diện các xứ, luôn cả phần của vua Malla. Rồi ông xin cây cân vàng về phần ông để làm kỷ niệm. Ông được như ý nguyện. Sau khi chia Xá Lợi rồi, có dòng Moriya tại xứ Pipphali phái người đến xin lãnh một phần. Vua Malla lấy làm tiếc cho hay rằng Xá Lợi đã chia ra đều đủ cho các lân bang rồi và cho sứ thần một mớ tro đem về thờ thay thế cho Xá Lợi. Các Xá Lợi được chia ra đồng đều cho tám nước; mỗi kinh thành mỗi lập đền thờ long trọng để cho vua chúa quan dân đến chiêm bái cúng dường. Sau lại có nhiều nguyên nhân làm cho Phật giáo suy đồi, như sự chia rẽ tăng đồ ra hai phái Đại thừa và Tiểu thừa, nạn chiến tranh và sự phục hưng của đạo Bà-la-môn nên các tháp Xá Lợi bị bỏ hoang hư lụn. Thuở Phật pháp được 218 năm, có vua A Dục ra đời đánh nam dẹp bắc, mở rộng giang sơn, lại có đức tin trong Phật giáo, nên tạo ra cùng nơi khắp chốn 84.000 tháp thờ, lấy các Xá Lợi trong tám tháp đầu tiên chia ra để thờ trong các tháp mới; và dựng bia đá làm dấu tích bốn chỗ động tâm là: rừng Lumbini, nơi Phật giáng sanh; Buddha Gayā, chỗ Phật thành đạo; rừng Isipattana (Lộc Giả) là nơi Phật chuyển Pháp luân; và vườn Kusinārā, chỗ Phật nhập Niết-bàn. Ngoài ra, vua A Dục còn dựng thêm bia đá nơi các ngã ba đường và khắc những Phật ngôn cùng lời ca tụng ân đức của Phật để khuyến khích dân chúng tôn sùng Đức Phật. Vua A Dục còn phái chư Tăng đi truyền bá đạo Phật ra các nước lân cận và đem giống bồ đề cùng Xá Lợi qua tận đảo Tích Lan. Nhờ vậy mà hiện giờ đảo Tích Lan trở thành trung tâm Phật giáo. Sử tích của Xá Lợi trong thời kỳ thượng cổ như thế ấy. Sau thời kỳ A Dục, dân Ấn Độ trở lại theo đạo Bà-la-môn, phế bỏ các tháp thờ Xá Lợi. Có chỗ đạo Bà-la-môn chiếm cứ như đền thờ tại Buddha Gayā (chỗ Phật thành đạo) và sửa tượng Phật làm tượng Bà-la-môn (Brahma) lợi dụng chỗ thập phương đến chiêm bái, hưởng lấy tài lợi rất nhiều.

Đến thời kỳ nước Anh đô hộ, nhiều tháp bị các nhà khảo cổ bươi móc, đem những Xá Lợi về chưng trong Tàng cổ viện xứ Anh, như Xá Lợi của Đức Xá Lợi Phất và Đức Mục Kiền Liên mà xứ Ấn Độ mới vừa đòi lại, sau khi được giải phóng. Hiện giờ, hội Maha Boddhi (Đại Bồ Đề) đương lo sùng tu lại các tháp và các chùa Phật. Với các sự thay đổi trong xã hội Ấn Độ và với những sự biến chuyển trong lịch sử Phật giáo, hiện giờ chúng ta không thể biết được rõ rệt các Xá Lợi của Đức Phật còn mất thế nào và chia sớt nơi đâu. Vả lại, theo lời của vua Malla, các Xá Lợi cũng không tránh khỏi luật vô thường chi phối; chỉ có sự thật hành theo giáo pháp của Đức Thế Tôn di truyền là điều cần thiết. Vậy chúng ta nên cố gắng tu học mãi mãi cho đến ngày giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi đến nơi vô sanh bất diệt là Đại Niết-bàn.

Đọc tại Kỳ Viên tự, ngày 30 tháng 7 Nhâm Thìn (1952). Cư sĩ Nguyễn Văn Hiểu. ----------

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.